

Số: 56 /KH-UBND

Quang Bình, ngày 09 tháng 02 năm 2023

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Quang Bình năm 2023

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông báo số 03/TB-LĐTBXH ngày 04/01/2023 của Sở Lao động - TBXH tỉnh Hà Giang về chỉ tiêu Kế hoạch Lao động - TBXH năm 2023;

Căn cứ Kế hoạch số 31/KH-UBND ngày 01/02/2023 của UBND tỉnh Hà Giang về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Hà Giang năm 2023;

Căn cứ Kế hoạch số 783/KH-UBND ngày 29/9/2022 của UBND huyện Quang Bình về thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Quang Bình giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 09-NQ/HU ngày 19/12/2022 của Huyện ủy Quang Bình về thực hiện Hội nghị lần thứ 14 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa IV về phương hướng, nhiệm vụ năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 23/12/2022 của HĐND huyện về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 5015/QĐ-UBND, ngày 23/12/2022 của UBND huyện về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023.

Ủy ban nhân dân huyện Quang Bình xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện năm 2023, cụ thể như sau:

Phần I

THỰC TRẠNG HỘ NGHÈO ĐẦU NĂM 2023

1. Kết quả rà soát hộ nghèo cuối năm 2022

- Tổng số hộ dân cư: 14.750 hộ.
- Số hộ nghèo đầu năm 2023: 2.224 hộ, chiếm tỷ lệ 15,08%.
- Số hộ cận nghèo: 1.669 hộ, chiếm tỷ lệ 11,32%.
- Số hộ không nghèo: 10.857 hộ, chiếm tỷ lệ 73,61%.

2. Mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo

2.1. Mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo

- *Tiêu chí 1: Việc làm*

+ Chỉ số 1.1. Hộ gia đình có ít nhất một người không có việc làm; hoặc có việc làm công ăn lương nhưng không có hợp đồng lao động: 432 hộ, chiếm tỷ lệ 19,42% tổng số hộ nghèo.

+ Chỉ số 1.2. Hộ gia đình có tỷ lệ người phụ thuộc trong tổng số nhân khẩu lớn hơn 50%: 561 hộ, chiếm tỷ lệ 25,22% tổng số hộ nghèo.

- *Tiêu chí 2: Y tế*

+ Chỉ số 2.1. Hộ gia đình có ít nhất một trẻ em dưới 16 tuổi suy dinh dưỡng chiều cao theo tuổi hoặc suy dinh dưỡng cân nặng theo tuổi: 369 hộ, chiếm tỷ lệ 16,59% tổng số hộ nghèo.

+ Chỉ số 2.2. Hộ gia đình có ít nhất một thành viên từ 06 tuổi trở lên không có thẻ BHYT: 1.889 hộ, chiếm tỷ lệ 84,94% tổng số hộ nghèo.

- *Tiêu chí 3: Giáo dục*

+ Chỉ số 3.1. Hộ gia đình có ít nhất một người trong độ tuổi từ 16 đến 30 tuổi không tham gia các khóa đào tạo hoặc không có bằng cấp, chứng chỉ giáo dục đào tạo so với độ tuổi tương ứng: 656 hộ, chiếm tỷ lệ 29,50% tổng số hộ nghèo.

+ Chỉ số 3.2. Hộ gia đình có ít nhất một trẻ em từ 3 đến dưới 16 tuổi không được học đúng bậc, cấp học phù hợp với độ tuổi: 33 hộ, chiếm tỷ lệ 1,48% tổng số hộ nghèo.

- *Tiêu chí 4: Nhà ở*

+ Chỉ số 4.1. Hộ gia đình đang sống trong ngôi nhà/căn hộ thuộc loại không bền chắc: 1.230 hộ, chiếm tỷ lệ 55,31% tổng số hộ nghèo.

+ Tiêu chí 4.2. Diện tích nhà ở bình quân dưới 8m²/người: 311 hộ, chiếm tỷ lệ 13,98% tổng số hộ nghèo.

- *Tiêu chí 5: Nước sinh hoạt và vệ sinh*

+ Chỉ số 5.1. Hộ gia đình không tiếp cận được nguồn nước sạch trong sinh hoạt: 286 hộ, chiếm tỷ lệ 12,86% tổng số hộ nghèo.

+ Chỉ số 5.2. Hộ gia đình không sử dụng hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh: 1.145 hộ, chiếm tỷ lệ 51,48% tổng số hộ nghèo.

- *Tiêu chí 6: Tiếp cận thông tin*

+ Chỉ số 6.1. Hộ gia đình không có thành viên nào sử dụng internet: 567 hộ, chiếm tỷ lệ 25,49% tổng số hộ nghèo.

+ Chỉ số 6.2. Hộ gia đình không có tivi, dàn nghe nhạc, máy vi tính/máy tính, máy tính bảng, điện thoại (cố định/di động): 491 hộ, chiếm tỷ lệ 22,08% tổng số hộ nghèo.

2.2. Mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ cận nghèo

- *Tiêu chí 1: Việc làm*

+ Chỉ số 1.1. Hộ gia đình có ít nhất một người không có việc làm; hoặc có việc làm công ăn lương nhưng không có hợp đồng lao động: 200 hộ, chiếm tỷ lệ 11,98% tổng số hộ cận nghèo.

+ Chỉ số 1.2. Hộ gia đình có tỷ lệ người phụ thuộc trong tổng số nhân khẩu lớn hơn 50%: 247 hộ, chiếm tỷ lệ 14,80% tổng số hộ cận nghèo.

- *Tiêu chí 2: Y tế*

+ Chỉ số 2.1. Hộ gia đình có ít nhất một trẻ em dưới 16 tuổi suy dinh dưỡng chiều cao theo tuổi hoặc suy dinh dưỡng cân nặng theo tuổi: 65 hộ, chiếm tỷ lệ 3,89% tổng số hộ cận nghèo.

+ Chỉ số 2.2. Hộ gia đình có ít nhất một thành viên từ 06 tuổi trở lên không có thẻ BHYT: 1.334 hộ, chiếm tỷ lệ 79,93% tổng số hộ cận nghèo.

- *Tiêu chí 3: Giáo dục*

+ Chỉ số 3.1. Hộ gia đình có ít nhất một người trong độ tuổi từ 16 đến 30 tuổi không tham gia các khóa đào tạo hoặc không có bằng cấp, chứng chỉ giáo dục đào tạo so với độ tuổi tương ứng: 209 hộ, chiếm tỷ lệ 12,52 % tổng số hộ cận nghèo.

+ Chỉ số 3.2. Hộ gia đình có ít nhất một trẻ em từ 3 đến dưới 16 tuổi không được học đúng bậc, cấp học phù hợp với độ tuổi: 03 hộ, chiếm tỷ lệ 0,18% tổng số hộ cận nghèo.

- *Tiêu chí 4: Nhà ở*

+ Chỉ số 4.1. Hộ gia đình đang sống trong ngôi nhà/căn hộ thuộc loại không bền chắc: 304 hộ, chiếm tỷ lệ 18,21% tổng số hộ cận nghèo.

+ Tiêu chí 4.2. Diện tích nhà ở bình quân dưới 8m²/người: 78 hộ, chiếm tỷ lệ 4,67% tổng số hộ cận nghèo.

- *Tiêu chí 5: Nước sinh hoạt và vệ sinh*

+ Chỉ số 5.1. Hộ gia đình không tiếp cận được nguồn nước sạch trong sinh hoạt: 39 hộ, chiếm tỷ lệ 2,34% tổng số hộ cận nghèo.

+ Chỉ số 5.2. Hộ gia đình không sử dụng hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh: 297 hộ, chiếm tỷ lệ 17,80% tổng số hộ cận nghèo.

- *Tiêu chí 6: Tiếp cận thông tin*

+ Chỉ số 6.1. Hộ gia đình không có thành viên nào sử dụng internet: 133 hộ, chiếm tỷ lệ 7,97% tổng số hộ cận nghèo.

+ Chỉ số 6.2. Hộ gia đình không có tivi, dàn nghe nhạc, máy vi tính/máy tính, máy tính bảng, điện thoại (cố định/di động): 63 hộ, chiếm tỷ lệ 3,77% tổng số hộ cận nghèo.

(Chi tiết các xã, thị trấn có phụ biểu số 01, 02, 03 đính kèm).

Phần II
MỤC TIÊU, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2023

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo, tái cận nghèo; góp phần quan trọng thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, cải thiện đời sống, tăng thu nhập của người dân, đặc biệt là ở các địa bàn xã, thôn đặc biệt khó khăn (*thông qua tìm kiếm việc làm phi nông nghiệp và hỗ trợ xây dựng, nhân rộng các mô hình giảm nghèo, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo sinh kế, việc làm bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho hộ nghèo, hộ cận nghèo*), tạo điều kiện cho người nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản (*việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, tiếp cận thông tin*), góp phần hoàn thành mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo năm 2023 theo Nghị quyết của HĐND huyện đề ra.

2. Mục tiêu cụ thể

a. Mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo

Phấn đấu giảm 767 hộ nghèo, giảm tỷ lệ hộ nghèo 5,2%, hạn chế thấp nhất hộ tái nghèo và hộ nghèo phát sinh mới.

b. Mục tiêu giảm tỷ lệ hộ cận nghèo

Phấn đấu giảm 531 hộ cận nghèo, giảm tỷ lệ hộ cận nghèo 3,6%, hạn chế thấp nhất hộ tái cận nghèo và hộ cận nghèo phát sinh mới.

(Chi tiết các xã, thị trấn có phụ biểu số 04, 05 đính kèm).

c. Các chỉ tiêu giải quyết mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản

- Chiều thiếu hụt về việc làm:

+ Giải quyết việc làm cho 1.700 lao động, trong đó giải quyết việc làm tại địa phương 520 lao động, đi làm việc ngoài tỉnh và đi làm việc ở nước ngoài 1.180 lao động.

+ 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm; tạo điều kiện để người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ kết nối việc làm ổn định.

- Chiều thiếu hụt về y tế: 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ bảo hiểm y tế; 67.130 người tham gia BHYT; Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng theo tuổi) 11%; 96% trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vaccin.

- Chiều thiếu hụt về giáo dục, đào tạo:

+ Tỷ lệ duy trì sỹ số học sinh hàng ngày đạt 99%; Tỷ lệ trẻ 6-14 tuổi đến trường đạt 99,9%.

+ Tập trung đào tạo các ngành nghề phù hợp với trình độ từ sơ cấp trở lên cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo để có việc làm ổn định, tăng thu nhập. Đào tạo nghề nghiệp cho 600 lao động (Ngân sách Trung ương: 570 lao động; Xã hội hóa: 30 lao động), phấn đấu đến cuối năm 2023 tỷ lệ lao động qua đào tạo/tổng số lao động đạt 65%.

- Chiều thiếu hụt về nhà ở: Tăng số hộ nghèo, hộ cận nghèo thiếu hụt về nhà ở được hưởng các chính sách hỗ trợ về nhà ở.

- Chiều thiếu hụt về nước sinh hoạt và vệ sinh: Tăng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo được sử dụng nước sinh hoạt và nhà tiêu hợp vệ sinh. Phấn đấu tỷ lệ hộ dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 99%; Tỷ lệ dân cư thành thị được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%.

- Chiều thiếu hụt về thông tin: Tăng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ viễn thông, internet; Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện từ các nguồn đạt 99%, trong đó điện lưới quốc gia đạt 96%.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Thực hiện hiệu quả Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2023

Các cơ quan, ban ngành huyện, UBND các xã, thị trấn tổ chức thực hiện hiệu quả các dự án, tiêu dự án và hoạt động thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2023 theo nhiệm vụ được phân công; bao gồm:

1.1. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

Phòng Lao động - TBXH huyện phối hợp với UBND các xã rà soát, lựa chọn, xây dựng, thẩm định Dự án và trình UBND huyện phê duyệt triển khai thực hiện.

Trình tự thực hiện theo Điều 20, Điều 21, Điều 22 và Điều 23 Nghị định 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 23/9/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang về quy định nội dung hỗ trợ; mẫu hồ sơ; trình tự, thủ tục, lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất lựa chọn đơn vị đặt hàng thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hà Giang; Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND ngày 26/8/2022 của UBND tỉnh Hà Giang về quy định cơ chế quay vòng hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trên địa bàn tỉnh Hà Giang...

1.2. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

a. Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

Phòng Nông nghiệp và PTNT phối hợp với UBND các xã rà soát, lựa chọn, xây dựng Dự án trình UBND huyện phê duyệt để triển khai thực hiện các Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp.

Trình tự thực hiện theo Điều 20, Điều 21, Điều 22 và Điều 23 Nghị định 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/7/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 23/9/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang về quy định nội dung hỗ trợ; mẫu hồ sơ; trình tự, thủ tục, lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất lựa chọn đơn vị đặt hàng thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hà Giang; Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND ngày 26/8/2022 của UBND tỉnh Hà Giang về quy định cơ chế quay vòng hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trên địa bàn tỉnh Hà Giang...

b. Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

Trung tâm Y tế huyện thực hiện nội dung cải thiện dinh dưỡng cho trẻ em theo hướng dẫn tại Quyết định 1768/QĐ-BYT ngày 30/6/2022 của Bộ Y tế ban hành hướng dẫn thực hiện nội dung Cải thiện dinh dưỡng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

1.3. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

a. Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện tiếp tục triển khai:

- + Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo.
- + Xây dựng chương trình, giáo trình, định mức kinh tế - kỹ thuật; phát triển nhà giáo và cán bộ quản lý phù hợp với đối tượng, trình độ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.
- + Khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề; truyền thông, hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm trên địa bàn huyện.
- + Phát triển mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn huyện; Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp.

b. Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

Phòng Lao động - TBXH thực hiện triển khai các hoạt động sau:

- + Xây dựng cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc.

- + Hỗ trợ giao dịch việc làm.
- + Quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác.
- + Thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động.
- + Hỗ trợ kết nối việc làm thành công.

Nội dung thực hiện theo Thông tư số 11/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/6/2022 của Bộ Lao động - TBXH hướng dẫn thực hiện hỗ trợ việc làm bền vững thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

1.4. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

a. Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

Phòng Văn hóa và Thông tin thực hiện đầu tư tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động thông tin cơ sở và các nội dung khác theo quy định tại Thông tư số 06/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn dự án truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 23/9/2022 của HĐND tỉnh ban hành quy định mức chi hỗ trợ một số nội dung giảm nghèo về thông tin thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2021-2025.

b. Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

Phòng Lao động - TBXH triển khai các hoạt động:

- + Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, sự kiện, chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, ấn phẩm truyền thông về giảm nghèo bền vững.
- + Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm các cấp, các ngành và toàn xã hội về công tác giảm nghèo.
- + Hỗ trợ các cơ quan báo chí, xuất bản thông tin, tuyên truyền về công tác giảm nghèo, kịp thời giới thiệu các cá nhân, tập thể, mô hình, kinh nghiệm hay trong giảm nghèo bền vững.
- + Triển khai thực hiện phong trào thi đua “Chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau trên địa bàn huyện Quang Bình giai đoạn 2021-2025” theo Kế hoạch số 794/KH-UBND ngày 30/9/2022 của UBND huyện; biểu dương, khen thưởng các địa phương, cộng đồng, hộ nghèo và tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực giảm nghèo.
- + Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình thông tin và truyền thông định hướng cho người dân tham gia, thụ hưởng Chương trình; tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin, trợ giúp pháp lý, trợ giúp xã hội và bình đẳng giới.
- + Tổ chức các hoạt động đối thoại chính sách về giảm nghèo ở cơ sở.

1.5. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá: Phòng Lao động - TBXH, các ngành thành viên Ban chỉ đạo huyện, UBND các xã, thị trấn triển khai:

+ Kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo định kỳ hoặc đột xuất.

+ Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ và thường xuyên năm 2023 ở các xã, thị trấn.

+ Thực hiện cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý dữ liệu giảm nghèo huyện.

Quy trình thực hiện theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025, phương án tổ chức triển khai thực hiện của tỉnh và Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện; Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/2022 của Bộ Lao động - TBXH hướng dẫn giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

2. Nâng cao thu nhập cho hộ nghèo, hộ cận nghèo

Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi như: công trình giao thông, cầu, hạ tầng điện, công trình thủy lợi phục vụ sản xuất, kinh doanh và dân sinh; tạo sự kết nối sản xuất, lưu thông hàng hóa...

Tiếp tục duy trì và thu hồi tái đầu tư các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 đến hạn.

Tổ chức hiệu quả các dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo từ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân; Hỗ trợ vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư.

Xây dựng và triển khai các dự án hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; hỗ trợ giống cây, con chất lượng cao; giúp người dân, nhất là người nghèo, cận nghèo cải thiện năng suất, nâng cao thu nhập. Hình thành và nhân rộng các mô hình sản xuất chuyên canh, liên kết sản xuất, chế biến, chuyển giao ứng dụng khoa học kỹ thuật theo quy mô nhóm hộ, tổ đội, hợp tác xã gắn với doanh nghiệp, với thị trường tiêu thụ. Hỗ trợ doanh nghiệp và hợp tác xã liên kết trong sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, phát triển đa dạng các mô hình sản xuất có sự tham gia của các hộ nghèo, cận nghèo; khuyến khích, tạo điều kiện và hỗ trợ phát triển các mô hình phát triển sản xuất, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh cho người nghèo, người cận nghèo và thanh niên dân tộc thiểu số; hỗ trợ phát

triển du lịch cộng đồng gắn với bản sắc văn hóa truyền thống các dân tộc; nâng cao năng lực sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, bảo đảm an ninh lương thực, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, tăng thu nhập.

Tập trung chỉ đạo tái cơ cấu nông nghiệp, tổ chức lại sản xuất, phát triển các tổ, hợp tác xã cung cấp dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp, tổ nhóm hợp tác, nhóm sở thích..., khai thác tốt các thế mạnh của địa phương như: Chăn nuôi đại gia súc, sản xuất và chế biến chè, cây ăn quả, dược liệu...

Tạo điều kiện cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo tham gia vay và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn, nhất là vốn vay tín dụng ưu đãi, gắn với hướng dẫn phương thức sản xuất, khuyến nông, khuyến công và chuyển giao kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất.

Đẩy mạnh việc triển khai thực hiện Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; Đề án cải tạo vườn tạp, phát triển kinh tế vườn hộ, tạo sinh kế cho người dân, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 07/01/2021 của UBND tỉnh...

3. Bảo đảm mức tối thiểu về một số dịch vụ xã hội cơ bản cho người dân, đặc biệt là người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số

3.1. Việc làm

Đổi mới và tăng cường công tác tư vấn, giới thiệu việc làm theo hướng tiếp cận đến người dân và người lao động; kết nối và trợ giúp lao động nghèo, cận nghèo tìm kiếm việc làm ổn định thông qua xuất khẩu lao động và đưa lao động đi làm việc tại các khu cụm công nghiệp góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập và giảm nghèo bền vững, nhất là người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người lao động thuộc vùng khó khăn.

Cung cấp thông tin thị trường lao động, đa dạng hóa các hoạt động dịch vụ việc làm, kết nối cung cầu lao động, hỗ trợ tạo việc làm bền vững cho người lao động, ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; người lao động vùng khó khăn.

Mở rộng thị trường gắn với kết nối cung - cầu lao động. Đẩy mạnh tuyên truyền, triển khai và thực hiện đầy đủ các chính sách về hỗ trợ giải quyết việc làm của Trung ương, của tỉnh, của huyện đã ban hành giúp người lao động có thêm cơ hội phát triển sản xuất để giải quyết việc làm, nhất là chính sách từ vốn vay Quỹ quốc gia việc làm và các nguồn ủy thác; chính sách hỗ trợ người lao động tỉnh Hà Giang đi làm việc ở nước ngoài và làm việc ngoài tỉnh theo Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh; chính sách hỗ trợ lương thực cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi làm việc ngoài tỉnh theo Đề án hỗ trợ lương thực của UBND huyện.

Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư các ngành nghề, phát triển sản xuất kinh doanh, dịch vụ tạo việc làm; chú trọng các ngành công nghiệp có lợi thế, công nghiệp chế biến, các ngành dịch vụ, làng nghề truyền thống tạo ra nhiều việc làm cho người lao động. Nhất là phát triển du lịch gắn với bản sắc văn hóa truyền thống các dân tộc, nông nghiệp đặc thù, các làng nghề thủ công truyền thống. Thực hiện có hiệu quả chính sách của tỉnh hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu lao động, phát triển các làng nghề truyền thống, các hợp tác xã...

Lồng ghép các chương trình, kế hoạch, dự án... đầu tư phát triển kinh tế - xã hội gắn với giải quyết việc làm tại chỗ cho người lao động.

3.2. Y tế.

Thực hiện hiệu quả các Chương trình mục tiêu Quốc gia về y tế, cải thiện dịch vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân ở tuyến y tế cơ sở. Tiếp tục đầu tư công trình y tế đạt chuẩn quốc gia; đào tạo cán bộ y tế tuyến huyện, xã để sử dụng có hiệu quả các trang thiết bị đầu tư, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế tuyến huyện, xã giảm quá tải bệnh viện.

Đẩy nhanh tiến độ phát triển và nâng cao chất lượng bảo hiểm y tế, củng cố và mở rộng bảo hiểm y tế bắt buộc theo hướng đa dạng hóa các loại hình bảo hiểm y tế, đáp ứng nhu cầu của nhân dân. Phát triển mạnh bảo hiểm y tế cộng đồng dựa vào sự đóng góp của người dân tham gia, có sự trợ giúp của Nhà nước và các nguồn tài trợ khác. Tiếp tục thực hiện tốt việc duy trì tỷ lệ người dân có thẻ bảo hiểm y tế theo Luật BHYT và Nghị quyết số 49/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh. Sử dụng có hiệu quả Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo.

Thực hiện hiệu quả Tiểu dự án Cải thiện dinh dưỡng từ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em 0-16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và trẻ em vùng đặc biệt khó khăn; nâng cao sức khỏe, tầm vóc thanh, thiếu niên dân tộc thiểu số thông qua hoạt động thông tin, truyền thông và tư vấn cho phụ nữ có thai, bà mẹ nuôi con nhỏ, cung cấp viên đa vi chất cho phụ nữ có thai, hỗ trợ bữa ăn dinh dưỡng cho trẻ em học bán trú/nội trú...

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền chính sách Hỗ trợ phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số sinh con đúng chính sách dân số theo Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Thực hiện tốt chính sách trợ cấp hàng tháng cho trẻ em nghèo, cận nghèo dưới 3 tuổi theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ và Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh để cải thiện dinh dưỡng cho trẻ em nghèo, cận nghèo.

3.3. Giáo dục.

Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy và học theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa; quan tâm ưu tiên bố trí kinh phí thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi và thực hiện các chính sách phát triển mầm non.

Tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ học sinh, sinh viên theo quy định; củng cố và phát triển trường phổ thông dân tộc nội trú; các trường Phổ thông dân tộc bán trú; Tăng cường công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội để tích cực vận động học sinh tới trường nhằm đảm bảo duy trì sĩ số và nâng cao tỷ lệ huy động học sinh các ngành học, cấp học.

Tiếp tục duy trì các lớp xóa mù chữ, khuyến khích xây dựng và mở rộng “Quỹ khuyến học”, phát huy hiệu quả hoạt động của các Trung tâm học tập cộng đồng.

Phát triển đồng bộ giáo dục nghề nghiệp ở vùng khó khăn cả về quy mô và chất lượng đào tạo, hỗ trợ người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo nâng cao kỹ năng nghề nghiệp; gắn kết giáo dục nghề nghiệp với việc làm bền vững, tạo sinh kế, tạo việc làm, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống của người nghèo, phòng ngừa, hạn chế người dân rơi vào tình trạng đói nghèo, tái nghèo, góp phần giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững.

Tăng cường công tác tuyên truyền, xây dựng và thực hiện tốt chính sách tư vấn, hướng nghiệp, phân luồng học sinh THCS và THPT; Tuyên truyền vận động người dân trong độ tuổi tham gia học nghề, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đồng bào dân tộc thiểu số, xã nghèo; đẩy mạnh đổi mới chương trình, chuyển đổi ngành nghề phù hợp với nhu cầu, yêu cầu của thị trường lao động; phù hợp với trình độ học vấn, khả năng tiếp cận của người nghèo; đào tạo theo địa chỉ sử dụng của doanh nghiệp, HTX, cơ sở sản xuất kinh doanh để tạo việc làm. Tăng cường thu hút, đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật cho đào tạo nghề.

3.4. Nhà ở.

Tiếp tục triển khai Chương trình hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo theo các chính sách hỗ trợ của nhà nước áp dụng cho giai đoạn 2022-2025 từ Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc miền núi.

Tiếp tục vận động nguồn lực hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo qua các phong trào "Ngày vì người nghèo", "Quỹ mái ấm công đoàn"... huy động các nguồn lực bằng tiền, vật liệu, ngày công từ các doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị, nhà hảo tâm trong và ngoài huyện, cộng đồng, dòng họ để hỗ trợ hộ nghèo làm nhà ở đảm bảo diện tích tối thiểu và độ bền vững nhà ở đáp ứng theo tiêu chí nông thôn mới.

3.5. Nước sinh hoạt và vệ sinh.

Vận động và hỗ trợ hộ nghèo xây bể nước, nhà tiêu hợp vệ sinh từ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán từ Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Hỗ trợ đầu tư xây dựng mới, tu sửa, nâng cấp hệ thống cấp và trữ nước sinh hoạt cho dân cư nông thôn đủ dùng quanh năm và sử dụng nước sạch đạt tiêu chuẩn quốc gia thông qua các nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước, các chương trình, dự án, đóng góp của nhân dân.

3.6. Thông tin.

Triển khai hiệu quả Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin từ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, cụ thể:

- Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, có nhu cầu, sử dụng hiệu quả dịch vụ thông tin, viễn thông, dịch vụ truy nhập internet. Hỗ trợ, tạo điều kiện tiếp cận thông tin thiết yếu cho cộng đồng dân cư; đầu tư các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có điểm cung cấp thông tin công cộng phục vụ người dân sử dụng dịch vụ thông tin thiết yếu nhằm góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

- Tăng cường cung cấp thông tin về cơ sở, nhất là cung cấp thông tin cho người dân sinh sống trên địa bàn các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi các thông tin về kiến thức, kỹ năng, mô hình, kinh nghiệm lao động, sản xuất, kinh doanh; truyền thông nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội, của người nghèo về công tác giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội bền vững.

- Nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống thông tin cơ sở; đầu tư các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có hệ thống đài truyền thanh hoạt động, phục vụ tốt cho công tác thông tin, tuyên truyền và quản lý, điều hành tại địa phương.

- Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về công tác giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững nhằm khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường vươn lên thoát nghèo của người dân và cộng đồng, huy động nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; tuyên truyền các gương điển hình, sáng kiến, mô hình tốt về giảm nghèo để thúc đẩy, nhân rộng và lan tỏa trong xã hội.

- Tiếp tục thực hiện nâng cấp, củng cố và phát triển hệ thống thông tin - truyền thông cơ sở: các trạm truyền thanh không dây, tiếp sóng truyền hình và phát thanh tiếng dân tộc phù hợp với tình hình thực tiễn đồng bào dân tộc thiểu số ở địa phương; xây dựng và thực hiện các chuyên mục tuyên truyền về nội dung các chính sách an sinh xã hội và định kỳ phát sóng trên các phương tiện thông tin đại chúng, tuyên truyền tại các chợ phiên vùng cao bằng tiếng phổ thông và tiếng dân tộc thiểu số.

- Tiếp tục triển khai Kế hoạch số 196/KH-UBND ngày 10/7/2019 của UBND tỉnh triển khai Quyết định số 414/QĐ-TTg ngày 12/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số Việt Nam giai đoạn 2019-2025".

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường và đổi mới công tác truyền thông về công tác giảm nghèo bền vững sâu rộng đến các cấp ủy đảng, chính quyền, các ngành, tổ chức đoàn thể, đặc biệt là các tầng lớp dân cư và người nghèo, nhằm thay đổi và chuyển biến nhận thức trong giảm nghèo, khơi dậy ý chí chủ động, tạo động lực, khát vọng vươn lên của người nghèo, tiếp nhận và sử dụng có hiệu quả chính sách và nguồn lực hỗ trợ của nhà nước, của cộng đồng để thoát nghèo bền vững.

2. Tập trung huy động mọi nguồn lực để thực hiện công tác giảm nghèo bền vững theo lộ trình hàng năm và cả giai đoạn. Ưu tiên nguồn lực cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, gắn mục tiêu giảm nghèo bền vững với xây dựng nông thôn mới.

3. Tăng cường tiếp xúc và vận động, tạo cơ chế thuận lợi để các tổ chức quốc tế, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư vào các lĩnh vực giảm nghèo bền vững, tạo việc làm, đặc biệt là hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng và các dịch vụ xã hội cơ bản.

4. Lồng ghép và thực hiện hiệu quả các chính sách, dự án trong Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc miền núi, Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới, Đề án cải tạo vườn tạp, phát triển kinh tế vườn hộ, tạo sinh kế cho người dân, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 với công tác giảm nghèo bền vững.

5. Tăng cường công tác phối hợp với Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh và các Công ty, Doanh nghiệp, đặc biệt là Trường Cao đẳng Than - Khoáng sản Việt Nam TKV tổ chức tư vấn, tuyển dụng lao động đi làm việc ngoài tỉnh và xuất khẩu lao động có thời hạn tại nước ngoài. Thực hiện tốt, đầy đủ các chính sách về hỗ trợ giải quyết việc làm của Trung ương, của tỉnh, của huyện đã ban hành, nhất là chính sách từ vốn vay Quỹ quốc gia việc làm và các nguồn ủy thác; chính sách hỗ trợ người lao động tỉnh Hà Giang đi làm việc ở nước ngoài và làm việc ngoài tỉnh theo Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh; chính sách hỗ trợ lương thực cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi làm việc ngoài tỉnh theo Đề án hỗ trợ lương thực của UBND huyện để khuyến khích, động viên người lao động tích cực tìm kiếm việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện cuộc sống thoát nghèo bền vững.

6. Trên cơ sở các chính sách, dự án, chương trình đầu tư có liên quan đến giảm nghèo, thực hiện cơ chế hỗ trợ trọn gói về tài chính, phân cấp, trao quyền cho cơ sở, tăng cường sự tham gia của người dân trong suốt quá trình xây dựng và thực hiện chương trình; trên cơ sở chỉ tiêu giảm nghèo được giao, các xã, thị trấn xây dựng kế hoạch giảm nghèo cụ thể để giải quyết những nhu cầu cấp thiết theo những mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

7. Đối với một số dự án đầu tư có quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp, Nhà nước chỉ hỗ trợ đầu tư một phần kinh phí, phần còn lại do nhân dân đóng góp, có sự tham gia giám sát của nhân dân. Đối với các công trình hạ tầng cấp huyện, xã thực hiện cơ chế tạo việc làm công cho người nghèo và người dân trên

địa bàn; công trình hạ tầng cấp thôn thực hiện cơ chế giao cho cộng đồng làm chủ đầu tư, thực hiện quản lý, duy tu, bảo dưỡng sau đầu tư.

8. Mở rộng và tạo điều kiện để tăng cường sự tham gia của người dân về các hoạt động giảm nghèo từ việc xác định đối tượng thụ hưởng đến việc lập kế hoạch, triển khai thực hiện, giám sát và đánh giá kết quả. Tiếp tục thực hiện phương thức hỗ trợ có điều kiện, hỗ trợ có thu hồi, nhân rộng mô hình Quỹ phát triển cộng đồng xã thôn nhằm bảo toàn nguồn vốn, tăng cơ hội tiếp cận chính sách và khuyến khích sự tích cực, chủ động tham gia của người nghèo, chống tư tưởng trông chờ ỷ lại, đảm bảo tính bền vững trong giảm nghèo.

9. Về phân bổ nguồn lực: Bảo đảm công khai, minh bạch và tập trung vào các vùng khó khăn, vùng nghèo trọng điểm, ưu tiên theo hình thức cuốn chiếu, bảo đảm đủ mức đầu tư, hỗ trợ để phát huy nhanh hiệu quả, không dàn trải; Việc phân bổ phải dựa trên hệ thống tiêu chí cụ thể cho từng loại đối tượng và từng chính sách, đề án một cách tối ưu nhất.

10. Về giám sát, quản lý sử dụng nguồn lực: Bảo đảm tính dân chủ, công khai, thực hiện nguyên tắc “Dân cần, dân biết, dân bàn, dân đóng góp, dân làm, dân kiểm tra, dân thụ hưởng và dân quản lý” trong quản lý và sử dụng nguồn lực gắn với thực hiện quy chế dân chủ cơ sở. Thiết lập quy trình giám sát và hệ thống chỉ tiêu theo dõi chặt chẽ bảo đảm vốn được sử dụng “đúng mục tiêu, đúng đối tượng, có hiệu quả, không thất thoát”. Trong xây dựng cơ sở hạ tầng phải thực hiện nguyên tắc “xã có công trình, dân có việc làm và thu nhập”, Nhà nước chỉ hỗ trợ hiện vật là chính.

11. Nâng cao năng lực về lập kế hoạch, quản lý và triển khai các chính sách, dự án giảm nghèo cho cán bộ, nhất là cấp xã và cấp thôn. Tăng cường và đề cao vai trò giám sát của HĐND các cấp trong việc sử dụng nguồn lực của chương trình. Có cơ chế kiểm soát thường xuyên, định kỳ ở cấp xã, nhất là xã có đầu tư cơ sở hạ tầng. Tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện dự án đối với các cơ quan chủ trì các dự án nhằm đảm bảo nguồn vốn đầu tư phải đem lại kết quả tương xứng với mục tiêu giảm nghèo bền vững.

12. Chỉ đạo tổ chức công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2023 để đánh giá đúng kết quả giảm hộ nghèo năm 2023 và làm cơ sở xây dựng kế hoạch và thực hiện các chính giảm nghèo và an sinh xã hội năm 2024.

IV. KINH PHÍ

Kinh phí thực hiện Kế hoạch này được đảm bảo từ nguồn NSNN theo phân cấp quản lý hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định; lồng ghép với nguồn kinh phí các chương trình mục tiêu, mục tiêu quốc gia để thực hiện, bao gồm:

- Vốn NSNN thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2023 (Theo Quyết định số 2286/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của UBND tỉnh về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 và Quyết định số 5033/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND huyện về giao dự toán thu, chi ngân sách

nhà nước năm 2023): 5.499 triệu đồng (NSTW: 5.340 triệu đồng; Ngân sách tỉnh đối ứng: 160 triệu đồng).

- Vốn lồng ghép từ Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc miền núi, Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới.

- Vốn tín dụng, vốn huy động của các tổ chức, cá nhân và các nguồn vốn hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội

Là cơ quan thường trực Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, tham mưu cho UBND huyện chỉ đạo, điều hành triển khai và thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững. Chủ trì, tham mưu cho UBND huyện thực hiện Dự án đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo; Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững; tổ chức thực hiện Tiểu dự án Truyền thông về giảm nghèo đa chiều; Phối hợp với các ngành giám sát đánh giá chương trình. Hướng dẫn và đôn đốc các ngành, các xã, thị trấn thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, tổng hợp, tham mưu cho UBND huyện báo cáo tỉnh theo quy định.

Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan tham mưu triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm và xuất khẩu lao động; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, công tác quản lý, sử dụng nguồn vốn quỹ Quốc gia giải quyết việc làm năm 2023 theo chỉ tiêu tỉnh giao.

Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các xã, thị trấn xây dựng kế hoạch giảm nghèo năm 2023 theo địa chỉ; phối hợp với các ngành đôn đốc, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các chính sách giảm nghèo; đồng thời tham mưu giải quyết kịp thời, đầy đủ mọi chế độ chính sách của Đảng, Nhà nước đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch

Chủ trì, phối hợp với các ngành chức năng tham mưu các giải pháp huy động và bố trí lồng ghép nguồn vốn các chương trình, đề án, dự án và các cơ chế, chính sách đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa, những thôn, bản có tỷ lệ hộ nghèo cao; hướng dẫn nhân rộng mô hình Quỹ phát triển cộng đồng xã, thôn. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng nguồn vốn thực hiện Kế hoạch theo quy định hiện hành; đảm bảo đầu tư đúng mục tiêu, đối tượng và nội dung của Chương trình.

3. Phòng Dân tộc

Chủ trì, phối hợp tham mưu triển khai thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 với chương trình MTQG giảm nghèo bền vững; thực hiện chính sách dân tộc đối với đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

4. Phòng Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp tham mưu chỉ đạo thực hiện các chính sách hỗ trợ học sinh, sinh viên trong giáo dục đào tạo. Xây dựng kế hoạch và các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo trên địa bàn huyện; triển khai các giải pháp đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động phân luồng học sinh phổ thông trên địa bàn tích cực tham gia học nghề gắn với giải quyết việc làm và xuất khẩu lao động, góp phần thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững.

5. Phòng Tư pháp

Tham mưu cho UBND huyện thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến về pháp luật, thực hiện tư vấn, trợ giúp pháp lý cho người nghèo, người dân tộc thiểu số.

6. Trung tâm Y tế huyện

Chủ trì, phối hợp chỉ đạo tăng cường các giải pháp nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân. Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị y tế thực hiện đúng quy định của Nhà nước về các chính sách khám chữa bệnh BHYT, hỗ trợ người nghèo tiếp cận các dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ mang thai và cho con bú; Tăng cường các hoạt động truyền thông thay đổi hành vi trong việc tự bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho cá nhân và cộng đồng, vệ sinh môi trường, sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh. Chủ trì tham mưu cho UBND huyện thực hiện Tiểu dự án Cải thiện dinh dưỡng.

7. Phòng Kinh tế và Hạ tầng

Tham mưu chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ về nhà ở cho người nghèo, người có công. Chủ trì, phối hợp thúc đẩy tiêu thụ, xúc tiến thương mại, kết nối, quảng bá các sản phẩm của đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thông qua các hệ thống kênh phân phối (chợ, siêu thị, điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP....).

Chủ trì, phối hợp tham mưu chỉ đạo xây dựng kế hoạch và các giải pháp quy hoạch, kế hoạch đầu tư xây dựng hệ thống đường giao thông, điện lưới đến trung tâm các thôn vùng sâu, vùng xa; phối hợp triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ về nhà ở cho hộ nghèo; hỗ trợ tiền điện đối với nhóm hộ nghèo và các hộ vùng chưa có điện lưới theo quy định.

Chủ trì, tham mưu thực hiện ứng dụng, chuyển giao khoa học kỹ thuật, công nghệ cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đặc biệt chú trọng việc chuyển giao khoa học kỹ thuật, ứng dụng công nghệ cao trong các vùng sản xuất tập trung theo hướng hàng hóa gắn trực tiếp với đồng bào dân tộc.

8. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chủ trì, phối hợp tham mưu thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư ở những nơi cấp thiết; phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp; các giải pháp nâng cao chất lượng sử dụng nguồn nước sinh hoạt của người dân nông thôn; đổi mới, nâng cao chất lượng, hoàn thành chỉ tiêu

đào tạo các nghề thuộc lĩnh vực nông, lâm nghiệp và HTX trên địa bàn; đồng thời tiếp tục xây dựng và thực hiện các mô hình, chương trình hỗ trợ sản xuất, đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, chuyển giao khoa học, kỹ thuật gắn với công tác dồn điền và xây dựng nông thôn mới. Chủ trì, tham mưu cho UBND huyện thực hiện Tiểu dự án hỗ trợ phát triển sản xuất.

9. Phòng Văn hóa và Thông tin

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan phổ biến, tuyên truyền các nội dung của Chương trình, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước về chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội. Hỗ trợ người nghèo, người dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa tiếp cận thông tin và truyền thông. Chủ trì, tham mưu thực hiện Tiểu dự án Giảm nghèo về thông tin.

10. Văn phòng điều phối xây dựng Nông thôn mới huyện

Chủ trì, tham mưu thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới thực hiện đạt tiêu chí thu nhập, tiêu chí hộ nghèo đa chiều góp phần nâng cao thu nhập, giảm tỷ lệ hộ nghèo của huyện.

11. Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện

Xây dựng kế hoạch huy động, giải ngân và quản lý nguồn vốn cho vay tín dụng ưu đãi hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, đặc biệt là vốn vay từ Quỹ quốc gia giải quyết việc làm và vốn vay hộ chính sách để làm nhà ở, công trình nước sạch, vệ sinh; đẩy mạnh thực hiện cải cách thủ tục hành chính theo hướng đơn giản hóa, tạo điều kiện thuận lợi bảo đảm 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo có nhu cầu đều tiếp cận được với các nguồn vốn vay ưu đãi để thúc đẩy phát triển kinh tế và sản xuất, góp phần nâng cao đời sống và xóa đói, giảm nghèo bền vững.

12. Các cơ quan, đơn vị của huyện

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm xây dựng kế hoạch thực hiện kế hoạch này; đồng thời tăng cường tham mưu, đôn đốc, hướng dẫn, giúp đỡ các xã, thị trấn được phân công phụ trách xây dựng kế hoạch giảm nghèo sát với điều kiện thực tế để tổ chức thực hiện đạt kết quả; có giải pháp thiết thực giúp đỡ gắn với hộ nghèo cụ thể.

13. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

Theo chức năng, nhiệm vụ, chủ động xây dựng kế hoạch tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân, hội viên, đoàn viên, các tổ chức, doanh nghiệp tích cực tham gia Chương trình Mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững; phát động các phong trào tương thân tương ái và triển khai phong trào “Cả nước chung tay vì người nghèo, không để ai bị bỏ lại phía sau”; tiếp tục xây dựng các mô hình trong hệ thống tổ chức hội, đoàn thể mình để giúp đỡ hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo; đẩy mạnh hưởng ứng cuộc vận động “Ngày vì người nghèo” kêu gọi các tổ chức, cá nhân ủng hộ xây dựng “Quỹ vì người nghèo” để giúp đỡ, hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo đặc biệt khó khăn; nâng cao năng lực

thực hiện công tác giảm nghèo cho hội viên; thực hiện giám sát, phản biện xã hội trong quá trình tổ chức triển khai Chương trình.

14. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

Căn cứ nội dung Kế hoạch này và kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình làm nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình cuối năm 2022 chỉ đạo các thôn, tổ dân phố đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về giảm nghèo và chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn.

Có chỉ tiêu kế hoạch định hướng giảm nghèo cụ thể giao cho các thôn, tổ dân phố; chỉ đạo các thôn, tổ dân phố tuyên truyền, vận động các hộ đăng ký danh sách thoát nghèo; đồng thời phân công, giao nhiệm vụ cụ thể cho các tổ chức hội, đoàn thể, các cơ quan, đơn vị của xã, thị trấn phụ trách, giúp đỡ hộ nghèo gắn với từng địa chỉ cụ thể; tuyên truyền, vận động cộng đồng dân cư, dòng họ tích cực tổ chức các hoạt động thiết thực trợ giúp hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo trên địa bàn vươn lên thoát nghèo bền vững.

Phối hợp với các cơ quan, ban ngành của huyện có liên quan triển khai thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững, gắn với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng nông thôn mới.

Hướng dẫn, tổ chức cho nhân dân thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, tăng cường sự tham gia của người dân trong thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn. Tổ chức cập nhật kịp thời danh sách, diễn biến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và hộ có mức sống trung bình làm nghề nông, lâm, ngư nghiệp; xác định rõ nguyên nhân nghèo chủ yếu của từng hộ để thực hiện các chính sách trợ giúp phù hợp, theo quy định, đạt hiệu quả.

Trên đây là kế hoạch thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Quang Bình./.

Nơi nhận:

- Sở Lao động - TBXH;
- T.Tr Huyện ủy;
- T.Tr HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị của huyện;
- Đảng ủy, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Chẳng Thị Liên